

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2014

Tháng 11 năm 2014

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	8	835	875	40	12.650	506.000	
102	8	470	484	14	12.650	177.100	
103	8	543	565	22	12.650	278.300	
104	8	349	363	14	12.650	177.100	
105	Phòng trực	382	442	60	12.650	759.000	
106	8	584	613	29	12.650	366.850	
107	PSHC	638	643		12.650	0	
108				0	12.650	0	
109	8	398	414	16	12.650	202.400	
110	8	416	429	13	12.650	164.450	
111	8	506	535	29	12.650	366.850	
112	8	375	386	11	12.650	139.150	
113	8	346	365	19	12.650	240.350	
114	8	257	274	17	12.650	215.050	
201	8	853	887	34	12.650	430.100	
202	8	806	830	24	12.650	303.600	
203	8	731	743	12	12.650	151.800	
204	8	631	652	21	12.650	265.650	
205	8	576	597	21	12.650	265.650	
206	8	594	620	26	12.650	328.900	
207	8	553	574	21	12.650	265.650	
208	8	592	612	20	12.650	253.000	
209	8	463	484	21	12.650	265.650	
210	8	419	429	10	12.650	126.500	
211	8	470	492	22	12.650	278.300	
212	8	433	452	19	12.650	240.350	
213	8	545	566	21	12.650	265.650	
214	8	583	597	14	12.650	177.100	
301	8	527	555	28	12.650	354.200	
302	8	484	500	16	12.650	202.400	
303	8	431	464	33	12.650	417.450	
304	8	485	503	18	12.650	227.700	
305	8	432	448	16	12.650	202.400	
306	8	445	470	25	12.650	316.250	
307	PSHC			0	12.650	0	
308				0	12.650	0	
309	8	450	464	14	12.650	177.100	
310	8	414	435	21	12.650	265.650	

311	8	401	420	19	12.650	240.350
312	8	524	530	6	12.650	75.900
313	8	456	484	28	12.650	354.200
314	8	438	458	20	12.650	253.000
401	8	489	504	15	12.650	189.750
402	8	346	364	18	12.650	227.700
403	8	358	370	12	12.650	151.800
404	8	299	315	16	12.650	202.400
405	8	285	297	12	12.650	151.800
406	8	335	355	20	12.650	253.000
407	8	375	398	23	12.650	290.950
408	8	535	556	21	12.650	265.650
409	8	271	305	34	12.650	430.100
410	8	463	486	23	12.650	290.950
411	8	356	367	11	12.650	139.150
412	8	338			12.650	0
413	8	373	389	16	12.650	202.400
414	8	435	452	17	12.650	215.050
501	8	234	245	11	12.650	139.150
502	8	330	340	10	12.650	126.500
503	8	440	452	12	12.650	151.800
504	8	375	383	8	12.650	101.200
505	8	356	376	20	12.650	253.000
506	8	275	285	10	12.650	126.500
507	8	367	388	21	12.650	265.650
508	8	329	343	14	12.650	177.100
509	8	281	303	22	12.650	278.300
510	8	318	327	9	12.650	113.850
511	8	153	165	12	12.650	151.800
512	8	290	299	9	12.650	113.850
513	8	253	261	8	12.650	101.200
514	8	177	188	11	12.650	139.150
Cộng	520			1.229		15.546.850

(Bảng chữ: Mười năm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Ngô Xuân Hoà

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ



NGƯỜI ĐỌC SỐ



Dương Văn Thanh

NGƯỜI LẬP



Trần Thị Hà